

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/02/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TGTH1	7:25	12+2	0+0		16+3	0+0	puma
2		SAVR	7:25	17	0		19	0	ec225
3		P4+GTCl	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
4		P5+P3	7:25	12+6	0+0		14+8	0+0	
5		RP3+RC6	7:25	10+0	0+0		14+8	0+0	
6		TD3+P10	7:25	18+0	0+0		12+10	0+0	
7		HST+AMD+SAVR	9:25	7+2+4	0+0+0		6+1+11	0+0+0	puma
8		PVD8+RC4	9:25	12+0	0+0		13+6	0+0	ec225
9		PPD+P9+P11	9:25	13+0+0	0+0+0		5+12+5	0+0+0	chuyen 1 p9- p11
10		CTK3+P2+RP3	9:25	1+2+5	0+0+0		1+2+19	0+0+0	chuyen 1 ctk3- p2
11		PPD+TD3	9:25	7+6	0+0		11+11	0+0	
12		P7+P8	9:25	12+0	0+0		13+9	0+0	
13		P3	11:25	9+	0+0+0		21	0+0+0	
14		P4+P10	11:25	17	0		21	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày P4-3ng, P5-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:25
B.CARD: XANH-1	TO:AMD - TGTH1	CREW: TRÌNH - CÔNG	ETA: 09:15
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0700	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	90	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	28-29	2	16			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	32	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THANH HÙNG	AMD	91-94	4	17			55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ VĂN SÁU	AMD	27	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	22-23	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG DŨNG	AMD	33-34	2	11			57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NHAN	AMD	26	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH THAI	AMD	24	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN TOÀN	AMD	35	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI SỸ QUYÊN	AMD	30-31	2	20			63	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HỒNG THAI	AMD	36	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT LAM*	TGTH1	27-28	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	TGTH1	30-31	2	10	1	26	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	12	786	19	118	0	0	16		
2	TGTH1	2	144	4	25	1	26	3		
TOTAL		14	930	23	143	1	26	19		
WEIGHT KG			930		143		26			

GRAND TOAL: 1.099 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

TRẦN KHÁNH TRÌNH

CAO VĂN CÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO:SAVR	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0698	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN NHƯ Ý	SAVR	38	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
2	KORSHUNOV SERGEY	SAVR	24-25	2	17			92	AMHTP	Russian
3	LE NHƯ NGỌC	SAVR	35-36	2	11	1	9	59	PVD LOGGI	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH DUC	SAVR	34	1	4			55	DMC-MI	Vietnamese
5	TRƯỜNG NAM THĂNG	SAVR	39-40	2	14			59	BAKER HU	Vietnamese
6	LUCIAN NG FU LIANG	SAVR	41-42	2	16			109	BAKER HU	Malaysian
7	KALMYKOV VLADIMIR	SAVR	30	1	16			119	AMHTP	Russian
8	KOLODNIKOV ANTON	SAVR	26	1	17			127	AMHTP	Russian
9	KALIMOV VASIL	SAVR	32-33	2	12			109	AMHTP	Russian
10	TROIANOV DMITRII	SAVR	27	1	9			82	AMHTP	Russian
11	SIEEDIN ROMAN	SAVR	21-22	2	11			85	AMHTP	Russian
12	BALDIN ARTEM	SAVR	19-20	2	10			92	AMHTP	Russian
13	OSIPOV ALEKSEI	SAVR	23	1	6			92	AMHTP	Russian
14	OSMAKOV ALEKSANDR	SAVR	31	1	10			130	AMHTP	Russian
15	PAKHOMOV RAVIL	SAVR	28-29	2	17			109	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	15	1.389	23	175	1	9	19		
TOTAL		15	1.389	23	175	1	9	19		
WEIGHT KG			1.389		175		9			

GRAND TOAL: 1.573 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

LUƠNG MẠNH TUẤN

ĐẶNG NGỌC MẠNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: P4 - GTC1	CREW: DƯƠNG - MTHAO - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0708	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KARAMARENKO VALERIY	P4	10	1	6			65	KH-THAC	Russian
2	VÔ DUY TOÀN	P4	702	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THAI SƠN	P4	902	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P4	803	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	37-38	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4	801	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRẠI	P4	03	1	5			60	KHI	Vietnamese
8	TẠ XUÂN HIỆU	P4	01	1	6			64	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	09	1	5			69	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P4	12	1	7			64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4						82	KHI	Vietnamese
12	LÊ XUÂN HIẾN	P4	05	1	6			61	KHI	Vietnamese
13	VÔ HỒNG TIN	P4	06	1	6	1	17	79	YTE	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC LÂN	P4	04	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ANH THĂNG	P4	41-42	2	10			83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	11	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN NGỌC TUẤN	P4	08	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MINH TUẤN	P4	39-40	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TẤN	P4	43-44	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TRUNG CHÍNH	P4						61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HÀ	P4	02	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	21	1.434	23	152	1	17	21		
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.434	23	152	1	17	22		
WEIGHT KG			1.434		152		17			

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: P5 - P3	CREW: XHOÀN - NPHÚ - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0711	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI VĂN BÁC	P5						74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG HIỆU	P5	700	1	13			66	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG PHÚC	P5	44	1	6			51	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH BÌNH	P5	97-99	3	14			64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HOÀNG	P5	47	1	17			88	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH DŨNG	P5	96	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	94-95	2	15			84	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	46	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	93	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	P5						105	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO VĂN THĂNG	P5	45	1	14			57	PSV	Vietnamese
12	LÊ XUÂN TÌNH	P5	92,43	2	17			69	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	P3	65	1	9	1	3	70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN THANH	P3	62-63	2	6			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA THỤ	P3						52	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TUẤN ANH	P3						68	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG THANH TRUNG	P3						75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI DAN	P3	60	1	16			54	YTE	Vietnamese
19	LUƠNG HUU HAU	P3	61	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	12	858	14	113	0	0	15		
2	P3	7	476	5	42	1	3	7		
TOTAL		19	1.334	19	155	1	3	22		
WEIGHT KG			1.334		155		3			

GRAND TOAL: 1.492 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: NAU-1	TO:RP3 - RC6	CREW: LINH - ĐNAM - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0713	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LAM TIEN PHI	RP3	03	1	6			83	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN SANG	RP3	09-10	2	15			59	KHI	Vietnamese
3	TRAN VAN SEN	RP3	04	1	6			69	KHI	Vietnamese
4	LE NHU NGUYEN	RP3	12-13	2	9			65	KHI	Vietnamese
5	HO VAN LUONG	RP3	02	1	3			64	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	08	1	5			78	KHI	Vietnamese
7	ĐANG HUY KHANH	RP3	06-07	2	12			80	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN THANH HA	RP3	05	1	5			85	KHI	Vietnamese
9	PANKRATOV R.E	RP3	01	1	14			94	KHI	Russian
10	HA THE BAO	RP3	11	1	10			78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	10	755	13	85	0	0	14		
2	RC6	0	0	0	0	3	45	8		
TOTAL		10	755	13	85	3	45	22		
WEIGHT KG			755		85		45			

GRAND TOAL: 885 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:43
B.CARD: TIM-1	TO: TD3 - P10	CREW: VIỆT - HỨC - ĐANG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0715	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VASYANKIN A.A	TD3	15	1	10	1	12	120	KH-THAC	Russian
2	PIATOV S.V	TD3	10	1	11			99	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN HOANG VINH	TD3	01	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAO MINH TUẤN	TD3	14	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HÙNG	TD3	09	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG TRƯỜNG	TD3	17	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG ANH TUẤN	TD3	19	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG ANH HÙNG	TD3	22	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LONG BIÊN	TD3	06	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD3	13	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
11	TẠ QUỐC VIỆT	TD3	11-12	2	19			59	YTE	Vietnamese
12	LÊ KIẾN TRUNG	TD3	03	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH PHÚC	TD3	20-21	2	11			61	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ANH SƠN	TD3	02	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ QUANG ANH	TD3	04-05	2	7			68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HỮU PHƯỚC	TD3	07-08	2	6			80	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI VĂN BÌNH	TD3	18	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI HUY NGHIỆP	TD3						77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	18	1.356	21	139	1	12	12		
2	P10	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		18	1.356	21	139	1	12	22		
WEIGHT KG			1.356		139		12			

GRAND TOTAL: 1.507 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
HOÀNG ANH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:05
B.CARD: TIM-2	TO: HST - AMD - SAVR	CREW: TRÌNH - CÔNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0701	


No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HY TAC SANG	HST	04-05	2	14	2	30	69	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN HIEU	HST	06-07	2	16			89	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HUNG	HST	202-203	2	14			83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NHA	HST	02	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM TUAN CHUNG	HST	08	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH HOAI	HST	39	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VAN TRONG	AMD	26	1	6			57	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DOANH	AMD	27-28	2	8			66	PSV	Vietnamese
9	CAO THANH VU	AMD	25	1	6			58	PSV	Vietnamese
10	DERBASOV ANDREI	SAVR	49-50	2	12			72	AMHFP	Russian
11	TAMAZOV MIKHAIL	SAVR	48	1	5			93	AMHFP	Russian
12	KHISMATULLIN ILSUR	SAVR	43-44	2	11			82	AMHFP	Russian
13	PHAM THANH HA	SAVR	45	1	10	2	17	66	AMHFP	Vietnamese

FLIGHT PLAN


No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	6	433	9	65	2	30	5		
2	AMD	3	181	4	20	0	0	1		
3	SAVR	4	313	6	38	2	17	11		
TOTAL		13	927	19	123	4	47	17		
WEIGHT KG			927		123		47			

GRAND TOAL: 1.097 KGS


VSP REP.


NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.


NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW


TRẦN KHÁNH TRÌNH
CAO VĂN CÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:15
B.CARD: <i>Trang - 2</i>	TO: PVD8 - RC4	CREW: LTUÁN - MẠNH	ETA: 12:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0699	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN HỒNG QUÂN	PVD8	69-70	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC HA	PVD8	60	1	15			63	XAYLAP	Vietnamese
3	HA THIÊN HUE	PVD8	55-56	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TOÀN	PVD8	71-72	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	PVD8	59	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD8	66-67	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
7	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	PVD8	61	1	13			63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TỈNH	PVD8	57-58	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI THANH TU	PVD8	62	1	15			64	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO VĂN TỈNH	PVD8	68	1	17			59	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN PHÚC	PVD8	64	1	10	1	15	77	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN VINH AN	PVD8	63	1	7			67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	12	813	17	176	1	15	13		
2	RC4	0	0	0	0	1	10	6		
TOTAL		12	813	17	176	2	25	19		
WEIGHT KG			813		176		25			

GRAND TOAL: 1.014 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

ĐẶNG NGỌC MẠNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PPD - P9 - P11	CREW: DUONG - MTHAO - THU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/0709	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	06	1	5	2	30	70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NĂM	PPD	09-10	2	13			64	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	05	1	3			77	KHI	Vietnamese
4	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	13	1	15	2	14	80	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	07	1	3			68	KHI	Vietnamese
6	ĐÀO VĂN HOÀN	PPD	01-02	2	20			67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	08	1	7			83	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	11	1	3			67	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	04	1	3			77	KHI	Vietnamese
10	KOLESNIK A.Y	PPD	03	1	13			102	KHI	Russian
11	DOAN THANH CÔNG	PPD	12	1	8			71	KHI	Vietnamese
12	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	18	1	9			87	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	PPD	12	913	14	102	4	44	5	
2	P9	0	0	0	0	0	0	12	CHUYEN 1 PAX P9-P11
3	P11	0	0	0	0	0	0	5	
TOTAL		12	913	14	102	4	44	22	
WEIGHT KG			913		102		44		

GRAND TOAL: 1.059 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:CTK3 - P2 - RP3	CREW: XHOÀN - NPHÚ - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/0712	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN XUÂN PHÚC	CTK3	96-97	2	15	1	10	70	SÂN BAY	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	31	1	14			84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	P2	32	1	12			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	17	1	5			71	KHI	Vietnamese
5	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	16	1	17			62	KHI	Vietnamese
6	PHẠM BÌNH NAM	RP3	18	1	6			60	KHI	Vietnamese
7	LÊ THANH ĐẠT	RP3	14	1	8			95	KHI	Vietnamese
8	BUI VĂN LONG	RP3	15	1	3			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	1	70	2	15	1	10	17		CHUYEN 1 PAX CTK3-P2
2	P2	2	145	2	26	0	0	2		
3	RP3	5	359	5	39	0	0	19		
TOTAL		8	574	9	80	1	10	22		
WEIGHT KG			574		80		10			

GRAND TOAL: 664 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: PPD - TD3	CREW: LINH - ĐNAM - TÚ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/0714	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM HẢI QUANG	PPD	76	1	4			70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HIỀN	PPD	79	1	3			54	KHI	Vietnamese
3	BUI THANH	PPD	77	1	3			63	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC HOA	PPD	84-86	3	11			75	KHI	Vietnamese
5	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	80-81	2	13			104	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	82-83	2	13			83	KHI	Vietnamese
7	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	78	1	7			64	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	87	1	11			75	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THẮNG	TD3	23	1	6			48	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM SỸ HIỆP	TD3	25	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
11	VU NAM CUONG	TD3						70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHIÊN	TD3	26	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG QUANG ĐỨC	TD3	24	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	8	588	12	65	0	0	11		
2	TD3	5	314	4	28	0	0	11		
TOTAL		13	902	16	93	0	0	22		
WEIGHT KG			902		93		0			

GRAND TOAL: 995 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:03
B.CARD: NAU-2	TO: P7 - P8	CREW: VIỆT - HỨC - ĐANG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/0716	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	78	1	3	2	35	78	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HOANG HÙNG	P7	67	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LƯU	P7	75-76	2	13			67	YTE	Vietnamese
4	HUYNH THANH TAM	P7	68	1	4			90	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	69	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THIÊN	P7	77	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG THANH	P7	65-66	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LƯƠNG TÂM	P7	72-73	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ NGHĨA TÀI	P7	70	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC HAI	P7	74	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VIỆT HÙNG	P7	71	1	4			76	PSV	Vietnamese
12	ĐÀU CÔNG SAU	P7	79	1	4			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	12	933	15	76	2	35	13		
2	P8	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		12	933	15	76	2	35	22		
WEIGHT KG			933		76		35			

GRAND TOAL: 1.044 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

HOÀNG ANH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P3	CREW: LINH - N.ANH - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 14		VNHS FLIGHT: TM26/0710	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI THE DUONG	P3	81	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DUC HUY	P3	84-85	2	12			79	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN BUI NAM	P3	87	1	7			95	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC TUYEN	P3	80	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH PHONG	P3	82-83	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DUC HUNG	P3	86	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
7	VU XUAN TIEN	P3	78	1	11			70	PSV	Vietnamese
8	CAO DUY LUNG	P3	79	1	6			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	8	593	10	63	0	0	21		
TOTAL		8	593	10	63	0	0	21		
WEIGHT KG			593		63		0			

GRAND TOAL: 656 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:25
B.CARD: VANG-3	TO: P10 - P4	CREW: VIỆT - HỨC - ĐANG	ETA: 14:15
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM26/0717	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HUYNH BA NINH	P4	10	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TOAN	P4	22	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN SON	P4	04	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN THANH NAM	P4	20	1	18			66	KH-THAC	Vietnamese
5	DAM VAN QUANG	P4	12	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG	P4	19	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HAI	P4	03	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN BA	P4	01	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
9	LE HONG TRUNG	P4	11	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MANH CUONG	P4	02	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG MINH HOANG	P4	06	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET THANG	P4	07	1	6			76	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VIET NGOC	P4	05	1	5			61	KHI	Vietnamese
14	PHAM DUC HIEP	P4						83	KHI	Vietnamese
15	LE TRUNG LAM	P4	08	1	2			70	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TAI	P4						69	KHI	Vietnamese
17	DOAN VAN TRUC	P4	09	1	6			67	KHI	Vietnamese
18	DAO DUC HUNG	P4	21	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	0	0	0	0	0	0	3		
2	P4	18	1.224	16	98	0	0	19		
TOTAL		18	1.224	16	98	0	0	22		
WEIGHT KG			1.224		98		0			

GRAND TOAL: 1.322 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC